

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2025

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt
bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 06/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Nghị quyết số: 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2021; số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và số 69/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh về chủ trương và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 từ nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững);

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 33/TTr-BQL ngày 02/4/2025, Báo cáo số 49/BC-BQL ngày 02/4/2025; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số /SXD-HĐXD ngày /4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

2. Địa điểm xây dựng: tại huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Thiên Phúc, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 39, Công ty TNHH Chu An, Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp Bách Toàn Thắng, Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp Bình Minh và Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại & Đầu tư Phú Bình.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng của công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II; công trình giao thông cấp IV; công trình năng lượng, cấp IV; công trình thủy lợi, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: 50 năm.

7. Mục tiêu dự án: Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng các hộ dân, di dời công trình bị ảnh hưởng xây dựng tuyến Hoàng Sa - Dốc Sỏi theo các Nghị quyết: số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2021; số 36/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và 69/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và phương án thiết kế chủ yếu:

a) Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng 10 khu tái định cư và sử dụng một số lô đất tại khu tái định cư Liên Hiệp I, Phường Trương Quang Trọng để phục vụ bố trí tái định cư cho dự án; 01 khu cải táng mồ mả; di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.

TT	Khu tái định cư/Khu cải táng mồ mả	Diện tích khu đất
I	Thành phố Quảng Ngãi	
1	Khu tái định cư Đông Thiên Ân, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 19.767,5m ²
2	Khu tái định cư Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 22.890,66m ²
3	Khu tái định cư Hòa Bình, xã Tịnh Ân Đông, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 13.491,41m ²
4	Xây dựng Khu cải táng mồ mả tại Khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 15.019,1m ²
II	Huyện Bình Sơn	
1	Khu tái định cư Đại Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	Khoảng 21.414,52m ²
2	Khu tái định cư Đồng Bờ Bướm, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	Khoảng 14.311,07m ²
3	Khu tái định cư Mỹ Huệ, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	Khoảng 52.145,24m ²
4	Khu tái định cư Đồng Mầu 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn	Khoảng 52.014,75m ²
5	Khu tái định cư Thạnh Thiện, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	Khoảng 45.279,20m ²
6	Khu tái định cư Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	Khoảng 18.955,94m ²
III	Huyện Sơn Tịnh	
1	Khu tái định cư Trường Thọ, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	Khoảng 10.631m ²

b) Phương án, các giải pháp thiết kế chủ yếu:

b.1. San nền: San nền theo lô tho diện tích đã quy hoạch, sử dụng đất đồi sỏi làm vật liệu san nền, hệ số đầm nén $K \geq 0,85$.

TT	Khu tái định cư/Khu cải táng mồ mả	Diện tích san nền	Khối lượng
I	Thành phố Quảng Ngãi		
1	Khu tái định cư Đồng Thiên Ân, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 19.766m ²	Đất đắp khoảng 14.589m ³
2	Khu tái định cư Lê Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 22.891m ²	Đất đắp khoảng 36.742m ³
3	Khu tái định cư Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 13.491m ²	Đất đắp khoảng 25.759m ³
4	Xây dựng Khu cải táng mồ mả tại Khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 15.019m ²	Đất đắp khoảng 13.301m ³ Đất đào khoảng 15.568m ³
II	Huyện Bình Sơn		
1	Khu tái định cư Đại Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	Khoảng 21.414m ²	Đất đắp khoảng 10.307m ³
2	Khu tái định cư Đồng Bờ Bướm, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	Khoảng 14.311m ²	Đất đắp khoảng 11.056m ³
3	Khu tái định cư Mỹ Huệ, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	Khoảng 52.145m ²	Đất đắp khoảng 48.119m ³
4	Khu tái định cư Đồng Mẫu 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn	Khoảng 52.015m ²	Đất đắp khoảng 59.170m ³
5	Khu tái định cư Thanh Thiện, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	Khoảng 29.493m ²	Đất đắp khoảng 42.332m ³
6	Khu tái định cư Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	Khoảng 10.196m ²	Đất đắp khoảng 23.669m ³
III	Huyện Sơn Tịnh		
1	Khu tái định cư Trường Thọ, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	Khoảng 6.088 m ²	Đất đắp khoảng 3.828 m ³

b.2. Đường giao thông: Các tuyến đường giao thông trong khu tái định cư được thiết kế dạng hai mái với $I_{\text{ngang}}=2,0\%$ dốc sang hai bên, hè đường dốc $I_{\text{hè}}=1,5\%$ về phía lòng đường, bao gồm 20 tuyến có các cấp đường, mặt cắt ngang như sau:

T T	Tên tuyến đường	Cấp đường, loại đường	Tốc độ thiết kế (km/ h)	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường		
					B _n (m)	B _m (m)	B _{vh} (m)
I	Thành phố Quảng Ngãi						
1	Khu tái định cư Đông Thiên Ân, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi						
1.1	Tuyến đường N1	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	180	20,5	10,5	5x2
1.2	Tuyến đường D2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	172	14,5	7,5	3,5x2
2	Khu tái định cư Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi						
2.1	Tuyến đường N1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	101	14,5	7,5	3,5x2
2.2	Tuyến đường N2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	95	14,5	7,5	3,5x2
2.3	Tuyến đường N3	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	95	20,50	7,5	5x2
2.4	Tuyến đường D1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	148	12,50	7,5	3,5+1,5
2.5	Tuyến đường Hàng Da - Vĩnh Tuy (nối dài)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	274	12,5÷ 19,50	7,5÷ 16,0	0+3,5
3	Khu tái định cư Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi						
3.1	Tuyến đường D1	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	223	14,5	7,5	3,5x2
4	Xây dựng Khu cải táng mồ mả tại Khu nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi						
4.1	Tuyến đường D1	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	163	10.5-:- 13,25	10	0,25+3
II	Huyện Bình Sơn						
1	Khu tái định cư Đại Lộc, xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn						
1.1	Tuyến đường N1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	65	12	6,0	3x2
1.2	Tuyến	Cấp nội bộ, đường	40	89	16,50	10,5	3x2

	đường N2	phân khu vực					
1.3	Tuyến đường N3	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	119	12	6	3x2
1.4	Tuyến đường D1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	179	13	7	3x2
1.5	Tuyến đường D2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	159	12	6	3x2
2	Khu tái định cư Đồng Bờ Bướm, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn						
2.1	Tuyến D1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	47	11,5	7,5	0,5+3,5
2.2	Tuyến D2	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	101	14,5	7,5	3,5x2
2.3	Tuyến D3	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	141	11,5	7,5	3,5 + 0,5
2.4	Tuyến N1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	140	11,35	7,5	3,5 +0,35
3	Khu tái định cư Mỹ Huệ, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn						
3.1	Tuyến D1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	100	4,5÷9,35	3,5-6	0,35÷0,5 + 0,5÷3,5
3.2	Tuyến D2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	63	9,35	6,0	0,35 + 3,0
3.3	Tuyến D3	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	69	9,35	6,0	0,35 + 3
3.4	Tuyến D4	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	183	13,0	7,0	3x2
3.5	Tuyến D5	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	313	9,35	6,0	3 + 0,35
3.6	Tuyến D6	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	99	12,0	6,0	3x2
3.7	Tuyến D7	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	106	12,0	6,0	3x2
3.8	Tuyến N1	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	245	12,0	6,0	3x2
3.9	Tuyến N2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	218	12,0	6,0	3x2
3.10	Tuyến N3	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	186	12,0	6,0	3x2

4	Khu tái định cư Đồng Mẫu 2, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn						
4.1	Tuyến 01	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	168	13,5	7,5	3x2
4.2	Tuyến 02	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	224	12,0	6,0	3x2
4.3	Tuyến 03	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	193	12,0	6,0	3x2
4.4	Tuyến 04	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	131	12,0	6,0	3x2
4.5	Tuyến 05	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	131	12,0	6,0	3x2
4.6	Tuyến 06	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	176	12,0	6,0	3x2
4.7	Tuyến 07	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	51	7,0	3,5	3+0,5
5	Khu tái định cư Thanh Thiện, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn						
5.1	- Tuyến đường N1 (N09-N02)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	194	12	6	3x2
5.2	- Tuyến đường D2 (N05-N07)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	239	12	6	3x2
5.3	- Tuyến đường D2 (N02-N05)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	51	12	6	3x2
5.4	- Tuyến đường N2 (N08-N06)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	101	12	6	3x2
5.5	- Tuyến đường N3 (N04-N07)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	55	9,5	6	3+0,5
5.6	- Tuyến đường D1 (N01-N04)	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	317	13	7	3x2
6	Khu tái định cư Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn						
6.1	Tuyến đường N01-N03	Cấp nội bộ, đường phân khu vực	40	246	27	7,0	10x2
6.2	Tuyến đường N02-	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	50	12	6,0	3x2

	N05						
III	Huyện Sơn Tịnh						
1	Khu tái định cư Trường Thọ, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh						
1.1	Tuyến đường D2,N1,N2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	240	9÷13, 6	6	3+0÷4.6
1.2	Tuyến đường N2	Cấp nội bộ, đường nhóm nhà ở	30	94	9	6	0+ 3
Tổng cộng:				6.734			

- Nền, mặt đường:

+ Bình đồ, trắc dọc: Bình đồ tuân thủ theo quy hoạch được duyệt; đi qua các điểm khống chế điểm đầu, điểm cuối và một số nút quy hoạch.

+ Trắc ngang: Thiết kế với quy mô bề rộng nền, mặt đường theo giải pháp mặt cắt ngang nêu trên.

+ Nền đường: Đối với nền đắp lớp trên cùng dày 30cm, sức chịu tải $CBR \geq 6$, dày 50cm tiếp theo, sức chịu tải $CBR \geq 4$; đối với nền đào, đào đến cao độ thiết kế, lu lèn nền đường tự nhiên đảm bảo $K \geq 0,95$, trường hợp nền đất tự nhiên không đảm bảo, tiến hành đào thay đất, đảm bảo $K \geq 0,95$, riêng Khu tái định cư Lệ Thủy, xã Tịnh Châu xử lý nền đất yếu. Gia cố mái và làm tường chắn tại ranh giới khu đất không đủ diện tích cho taluy đắp.

+ Mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa (BTN), tải trọng trục thiết kế: 100KN (10T), Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} = 120 \text{ MPa}$, kết cấu từ trên xuống: Lớp BTNC19 dày 7cm (đối tuyến chính dự án Nghĩa trang thành phố dày 9cm); Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m^2 ; Lớp móng trên: cấp phối đá dăm loại 1, $D_{\max} = 25\text{mm}$, dày 15cm; Lớp móng dưới: cấp phối đá dăm loại 1, $D_{\max} = 37,5\text{mm}$, dày 15cm; Đất đắp nền đường đảm bảo $K \geq 0,98$, dày 50cm; Đất nền đường đảm bảo $K95$. Mặt đường bê tông xi măng (BTXM), kết cấu từ trên xuống: Bê tông xi măng M350 đá 1x2 dày 22cm; Lớp giấy dầu; Lớp cấp phối đá dăm loại 1, $D_{\max} = 25\text{mm}$, dày 15cm; Lớp đất đắp nền đường trên cùng đảm bảo $K \geq 0,98$ dày 30cm; Đất nền đường đảm bảo $K95$. Mặt đường BTN trên mặt BTXM hiện trạng, kết cấu từ trên xuống: Lớp BTN C19 dày 5cm; 1 lớp lưới cốt sợi thủy tinh $100 \times 100\text{KN/m}$; Tưới nhũ tương dính bám $0,5\text{kg/m}^2$; mặt đường BTXM hiện trạng.

- Nút giao thông: Thiết kế nút giao đơn, giao cắt cùng mức, vuốt nổi êm thuận, đảm bảo an toàn giao thông và thoát nước tốt, kết cấu mặt đường trong nút theo kết cấu mặt đường của tuyến đường.

- Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

b.3. Vía hè, Cây xanh:

- Vĩa hè: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vĩa hè gạch bê tông tự chèn kích thước (300x300x50)cm trên lớp cát dày 5cm, độ dốc về phía đường giao thông bằng 1,5%.

- Cây xanh: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông và tại vị trí đất cây xanh theo quy hoạch; kích thước hố trồng cây xanh vĩa hè (1x1)m, khoảng cách giữa các hố cây trung bình khoảng (7÷15)m. Cây xanh dọc vĩa hè và công viên trồng bóng mát như: cây Bằng Lăng tím, Bằng Đài Loan...

b.4. Hệ thống cấp nước: Cấp nước cho các khu tái định cư theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE D100/110 và ống nhựa HDPE D50/63.

b.5. Hệ thống thoát nước mưa:

Thiết kế nằm dưới đường, dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn có đường kính Ø(300÷1500)mm; cống dưới vĩa hè chịu tải trọng H10-X60, cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80. Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước của dự án và thoát ra mương tiêu hiện trạng của khu vực; độ dốc dọc tuyến $i=(0,1÷0,4)\%$. Các hố thu, thăm bố trí dọc theo các tuyến cống. Giếng thăm trên vĩa hè thiết kế bê tông, giếng thăm dưới đường thiết kế bê tông cốt thép; Hố thu bằng bê tông đá 1x2 M250.

b.6. Hệ thống thoát nước thải: Thiết kế nằm dưới vĩa hè và phía sau các lô đất theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng ống BTCT đúc sẵn có đường kính Ø300mm và mương B400mm. Nước thải được thu gom và đầu nối vào trạm xử lý nước thải của từng khu tái định cư; độ dốc dọc tuyến ống $i=3,3\%$. Giếng thăm bằng bê tông.

Trạm xử lý nước thải: Đầu tư xây dựng 10 trạm xử lý nước thải tại các khu tái định cư với tổng công suất 370 m³/ngày đêm, bao gồm các trạm có công suất từ 15 đến 65 m³/ngày đêm.

b.7. Điện chiếu sáng: Đối với các tuyến đường trong các khu tái định cư, thiết kế chiếu sáng một bên dọc các tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nguồn điện được đầu nối từ các Trạm biến áp xây dựng mới. Đường dây chiếu sáng đi ngầm, sử dụng cáp ngầm đồng bọc PVC, cách điện XLPE có băng kim loại phi từ tính bảo vệ, ký hiệu: Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x6)mm² - 600V. Trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cao 8m, đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led công suất tối thiểu 80W. Riêng đối với Khu tái định cư Mỹ Huệ, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn: Hệ thống điện chiếu sáng đi nổi, chung cột với đường dây 0,4kV.

b.8. Cấp điện: Quy mô cấp điện cho 10 khu tái định cư bao gồm xây dựng 8 trạm biến áp (100-250kVA), lắp đặt 3 tủ RMU, thi công 1.328,6m đường dây 22kV (đi trên không và ngầm) và 5.811,9m đường dây 0,4kV (chủ yếu đi ngầm) để cấp điện cho các khu tái định cư.

b.9. Công trình thủy lợi: Hoàn trả kênh B3-16 dài 400m (mặt cắt chữ nhật, kích thước 0,95-1,15m×1,15-1,2m); hoàn trả kênh B3-2 bằng cống hộp kích thước 1,25×1,1×5m, tất cả sử dụng bê tông cốt thép M250 với biện pháp thi công cơ giới kết hợp thủ công

b.10. Hệ thống PCCC: Bố trí các trụ cứu hỏa dọc theo tuyến ống cấp nước theo quy hoạch, nguồn cấp nước cho PCCC được lấy từ giếng khoan.

b.11. Di dời công trình hạ tầng kỹ thuật: Di dời, hoàn trả công trình điện, nước, viễn thông, trụ thu phát sóng di động (BTS) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 2 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: QCVN 07:2023/BXD, QCVN 10:2024/BXD, QCVN 01:2021/BXD, TCVN 7957:2023, TCVN 5574:2018, TCVN 13608:2023, TCVN 13592:2022...

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình là **707.207.005.000 đồng** (Bảy trăm lẻ bảy tỷ, hai trăm linh bảy triệu, năm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	378.336.243.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	241.222.735.000
- Chi phí thiết bị:	13.763.325.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	3.797.312.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	17.398.524.000 đồng
- Chi phí khác:	12.821.841.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	39.867.025.000 đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023÷2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương 260 tỷ đồng và ngân sách tỉnh phần còn lại.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo quy định hiện hành

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt theo quy định.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung, ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số /SXD-HĐXD ngày /4/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, thành phố Quảng Ngãi; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XII;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Giang